

NGUYỄN CÔNG LÝ*
NGUYỄN XUÂN QUỲNH**

VỀ NGÔI CHÙA PHẬT GIÁO Ở NHẬT BẢN

Tóm tắt: Bài viết trình bày khái lược về sự phát triển của ngôi chùa Phật giáo tại Nhật Bản trên các nội dung như: tên gọi, đặc điểm kiến trúc chung, vai trò của chùa qua các thời kỳ lịch sử, từ đó liên hệ đến sự phát triển chung của Phật giáo Nhật Bản. Tất cả khẳng định tính thể tục, linh hoạt của Phật giáo ở đây. Điều này có được là do quan niệm hiện thế của văn hóa Nhật Bản đã có tác động, chi phối các phương diện đời sống, trong đó có văn hóa tinh thần nói chung và Phật giáo nói riêng.

Từ khóa: Chùa, kiến trúc, Nhật Bản, tôn giáo.

1. Đặt vấn đề

Phật giáo du nhập vào Nhật Bản qua bán đảo Triều Tiên vào khoảng thế kỷ VI. Từ đó đến nay, đời sống tôn giáo Nhật Bản đã có nhiều chuyển biến, cùng với Thần đạo (Shinto), tôn giáo bản địa của Nhật Bản thì Phật giáo được xem như tôn giáo chính thức, thậm chí có giai đoạn còn được xem như là quốc giáo. Có thể nói, Phật giáo hiện diện trong hầu hết những lĩnh vực tinh thần từ quan điểm, tư tưởng... cho đến các quan niệm mỹ học. Cũng như những quốc gia khác có sự hiện diện của Phật giáo, tại Nhật Bản cũng đã hình thành nền nghệ thuật Phật giáo, trong đó tiêu biểu là kiến trúc các ngôi chùa. Bài viết này nhằm giới thiệu một cách khái lược về đặc điểm, sự phát triển của ngôi chùa ở Nhật Bản.

2. Các đặc điểm chùa Phật giáo ở Nhật Bản

2.1. Về tên gọi

Trước hết, chùa Phật giáo ở Nhật Bản được phân biệt rõ ràng với Thần xã, Thần đạo qua tên gọi. Các ngôi chùa được gọi là “Tự” (寺, đọc là *tera, dera*, hay *ji*) hoặc là “Viện” (院, đọc là *in*). Giữa “Tự” và “Viện” có

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

** Học viên Cao học ngành Châu Á học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

một vài sự khác biệt. Chẳng hạn, đa phần các chùa được gọi là “Tự” phải là nơi có thờ tượng Phật, ảnh Phật, có các nhà sư sinh sống, học tập và nghiên cứu Phật giáo. Đây là nơi có mối liên hệ và quan hệ rộng rãi với Phật tử thông qua các hoạt động Phật pháp, giáo hóa độ sinh, truyền thừa giáo lý nhà Phật. Trong khi đó, “Viện” thường là những ngôi chùa nhỏ phụ thuộc vào phức hợp lớn hơn, tức Viện chỉ là một phần xây dựng nhỏ với vai trò riêng, nằm trong tổng thể của công trình lớn.

Ngoài ra, cũng có những ngôi chùa có nhiều hơn một tên gọi, thường là những tên gọi không chính thức, gắn liền với các đặc điểm hoặc sự kiện nhất định nào đó, ví dụ như Onjou-ji (園城寺 Viên Thành Tự) là một ngôi chùa ở gần khu vực hồ Biwa, còn được biết với tên gọi là Mii-dera (三井寺 Tam Tỉnh Tự) vì gắn liền với sự kiện ba vị Thiên hoàng: Tenji (天智天皇 Thiên Trí Thiên Hoàng), Temmu (天武天皇 Thiên Vũ Thiên Hoàng), Jito (持統天皇 Trì Thống Thiên Hoàng) sau khi sinh được tám lần đầu bằng nước giếng Akaiya của chùa; hoặc như chùa Saiho-ji (西方寺 Tây Phương Tự) ở Kyoto còn có tên là Koke-dera (苔寺 Đài Tự), nghĩa là Chùa Rêu vì ngôi chùa nổi tiếng với khu vườn luôn có rêu xanh bao phủ...

Nói một cách chung nhất, tên gọi của chùa Phật giáo tại Nhật Bản là sự kết hợp tên ngôi chùa *jigou* (寺号 tự hiệu) và một trong hai hoặc cả hai *sangou* (山号 sơn hiệu) và *ingou* (院号 viện hiệu). Trong đó: *Sangou* là hình thức đặt tên theo tên ngọn núi mà ngôi chùa được xây dựng tại đó. Hình thức này được cho là truyền từ Trung Quốc đến Nhật Bản cùng với Phật giáo Thiền tông. Xuất phát từ thời nhà Tùy và nhà Đường khi Phật giáo phát triển mạnh và việc xây dựng chùa nở rộ đến mức các ngôi chùa cùng tên được xây dựng ở những nơi khác nhau. Vì vậy, để phân biệt, người ta gọi tên chùa kèm theo tên ngọn núi. Có ý kiến cho rằng, trước khi hình thức đặt tên này được truyền đến Nhật Bản thì các nhà sư như Saichou (最澄 Tối Trừng) và Kuukai (空海 Không Hải) chủ trương phải có sự liên kết giữa con người với tự nhiên để tiếp nhận sức mạnh, cụ thể như đặt tên những ngôi chùa theo tên các ngọn núi linh thiêng... Cho nên, sau khi Phật giáo từ Trung Quốc được Nhật Bản tiếp nhận thì hình thức đặt tên sơn hiệu này lại càng được phát triển mạnh mẽ, phù hợp với quan niệm sùng bái tự nhiên của con người ở đây. Chẳng hạn, có thể kể đến các chùa được đặt tên theo sơn hiệu như: Hiei-zan Enryaku-ji

(**比叡山延曆寺** Tỷ Duệ Sơn Đình Lịch Tự), Kakuo-zan Nittai-ji (**覚王山日泰寺** Giác Vương Sơn Nhật Thái Tự)...

Kể đến là Viện hiệu. Cách đặt tên này liên quan chặt chẽ đến các sự kiện lịch sử ở Nhật Bản. Ban đầu, “viện” dùng để gọi nơi mà các Thiên hoàng sau khi nhường ngôi sẽ đến sống ở đó. Dần dần cách gọi này được giới quý tộc và võ sĩ sử dụng để chỉ những công trình kiến trúc thuộc về mình. Đến thời Edo, người ta có thể mua được Viện hiệu bằng tiền. Chính quyền Mạc phủ đã ra lệnh cấm việc này nhưng không thành công. Đến cuối thời Minh Trị, Viện hiệu tiếp tục được dùng bởi những đại phú hào và các chính trị gia. Chính vì vậy, theo thời gian, việc các quý tộc quan lại đại thần cho xây chùa trở nên phổ biến thì cách gọi này được dùng để chỉ những ngôi chùa do quý tộc hoặc tướng quân cho xây dựng, ví dụ, Seiya-san Muryoushu-ji Kita-in (**星野山無量壽寺喜多院** Tinh Dã Sơn Vô Lượng Thọ Tự Hỷ Đa Viện), Sanzen-in (**三千院** Tam Thiên Viện), Koutoku-in (**高德院** Cao Đức Viện)...

Quan trọng là cách gọi *jigou* (**寺号** tự hiệu hoặc **寺暗号** tự âm hiệu). Đây là cách gọi phổ biến nhất trong các loại tên gọi của chùa ở Nhật Bản. Hầu hết các tên chùa Nhật Bản đều được đi kèm theo chữ “tự”, với hai âm đọc, âm đọc mô phỏng âm Hán là *ji* và âm đọc theo tiếng Nhật là *tera* và *dera*, trong đó *dera* là cách đọc biến âm từ *tera*. Trong khi *Sơn hiệu* và *Viện hiệu* là bộ phận phụ thêm thì *Tự hiệu* là tên chính thức, luôn phải có của các ngôi chùa. Có ý kiến cho rằng, nếu tên ngôi chùa được đọc theo âm *On* trong tiếng Nhật thì “tự” sẽ được phát âm là *ji*, ví dụ Houryu-ji (**法隆寺** Pháp Long Tự), Kinkaku-ji (**金閣寺** Kim Các Tự), còn nếu tên ngôi chùa đọc theo âm *Kun* thì “tự” sẽ được phát âm là *tera* hay *dera*, như trường hợp Kiyomizu-dera (**清水寺** Thanh Thủy Tự)...

2.2. Về kiến trúc

Các ngôi chùa Nhật Bản mang đặc điểm kiến trúc độc đáo, hình thành thông qua những ảnh hưởng kiến trúc Phật giáo từ bán đảo Triều Tiên và Trung Quốc lục địa, trải qua thời gian có sự tiếp biến để tạo nên dấu ấn riêng. Khoảng thế kỷ VI đến thế kỷ VII, có nhiều người dân từ bán đảo Triều Tiên đến Nhật Bản tránh cuộc nội chiến giữa ba vương quốc ở bán đảo Triều Tiên, trong số đó có nhiều học giả, nghệ nhân, kiến trúc sư... Những người này đóng vai trò lớn trong việc định hình kiến trúc Phật

giáo Nhật Bản vào buổi đầu. Rất nhiều ngôi chùa đầu tiên ở Nhật Bản do những kíp thợ người Triều Tiên xây dựng như Horyu-ji (法隆寺 Pháp Long Tự), Shitennou-ji (四天王寺 Tứ Thiên Vương Tự)... Sau đó, đến khoảng thế kỷ VIII, những ảnh hưởng của Triều Tiên trong kiến trúc Phật giáo Nhật Bản dần dần bị thay thế bởi ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc thời nhà Đường.

Đặc điểm thường thấy ở kiến trúc chùa Nhật Bản là một tập hợp, gồm bảy bộ phận chính là: *tháp* (*tou* 塔). Đây là sự cải biến thành hình tháp nhọn từ nguyên mẫu Stupa của kiến trúc Phật giáo Ấn Độ; *sảnh chính* (*kondou* 金堂 kim đường) là nơi đặt các tượng Phật; *sảnh thuyết pháp* (*koudou* 講堂 giảng đường) là nơi rộng nhất trong chùa, được các nhà sư dùng để học tập, giảng thuyết và thực hiện các nghi lễ tôn giáo; *tháp chuông* (*shourou* 鐘樓 chung lâu); *phòng lưu trữ kinh* (*kyouzou* 經藏 kinh tàng); *khu nhà ở* (*soubou* 僧房 tăng phòng) và *nhà ăn* (*jikidou* 食堂 thực đường).

Chùa ở Nhật Bản là một phương diện của nghệ thuật kiến trúc Nhật Bản nói chung. Do vậy, trước hết cần phải phù hợp với đặc điểm khí hậu, phong tục, văn hóa... của Nhật Bản. Về vật liệu xây dựng, để phù hợp với khí hậu mùa hè kéo dài và nóng ẩm ở Nhật Bản nên đa phần các công trình được làm bằng gỗ, bởi đây là loại vật liệu mát vào mùa hè, ấm vào mùa đông, hơn nữa lại còn khá linh hoạt trong điều kiện đất nước này hay xảy ra động đất, điển hình là Pháp Long Tự (Horyu-ji), một công trình được công nhận là công trình bằng gỗ cổ nhất trên thế giới. Đồng thời, cách thiết kế bên trong công trình cũng phải đảm bảo luôn thoáng mát. Nhìn các chùa Nhật Bản, có thể thấy phần mái chùa khá to, được uốn cong nhẹ nhàng, với độ rộng lớn, che phủ các hành lang bao quanh phần nhà của chùa. Phần bên trong thường được phân chia bằng các cánh cửa giấy *shouji* có thể tháo rời và di chuyển để điều chỉnh độ rộng của không gian căn phòng tùy vào mục đích sử dụng. Điều này cho thấy tính linh hoạt, thích ứng cao của đặc điểm văn hóa Nhật Bản trong kiến trúc Phật giáo.

Có ý kiến cho rằng, tuy các kiến trúc Phật giáo có ảnh hưởng lớn đến các kiến trúc Thần đạo nhưng theo chúng tôi, chính mối liên hệ sâu sắc giữa Phật giáo và Thần đạo khiến cho hai hình thức kiến trúc này có nhiều nét tương đồng. Trong một số Thần xã ở Nhật Bản, có khu vực

dành riêng để thờ Phật và có một số chùa còn thờ cả các *kami* của Thần đạo. Hoặc chẳng hạn như các cánh cổng *torii* (鳥居 *điều cư*) là biểu tượng của Thần xã, lại được đưa vào khu vực của chùa Phật giáo như ở Shitennou-ji (四天王寺 *Tứ Thiên Vương Tự*) tại Osaka; hay lối vào Thần xã có khi được đánh dấu bởi *roumon* (樓門 *lâu môn*) - một loại cổng có nguồn gốc từ kiến trúc Phật giáo... Sự giao thoa và ảnh hưởng giữa Phật giáo và Thần đạo là do tính dung hợp của Thần đạo với Tam giáo nói chung và với Phật giáo nói riêng. Sự dung hợp này không chỉ thể hiện qua các thuyết như “Thần Phật tập hợp” (*Shinbutsu shuugou* 神佛習合), “Bản địa thù tích” (*Honji suijaku* 本地垂迹) mà còn có những kiến trúc kết hợp giữa Phật giáo và Thần đạo được gọi là *jinguu-ji* (神宮寺 *Thần Cung Tự*) hoặc *miya-dera* (宮寺 *Cung Tự*). Có thể thấy, Phật giáo ở Nhật Bản đã phát triển theo những nét rất riêng, thể hiện rõ tính thể tục, phù hợp với các quan niệm, tư tưởng của người Nhật, bộc lộ bản sắc văn hóa Nhật.

3. Kiến trúc chùa Phật giáo ở Nhật Bản qua các thời kỳ

Nhìn chung, kiến trúc Phật giáo Nhật Bản được hình thành và tồn tại là nhờ người Nhật biết học tập, tiếp thu và chịu ảnh hưởng văn hóa kiến trúc từ bán đảo Triều Tiên và Trung Quốc, rồi tiếp biến, sáng tạo, ít nhiều được bản địa hóa, để mang bản sắc Nhật rõ nét.

Những ngôi chùa được xây dựng đầu tiên ở Nhật Bản, theo các nhà nghiên cứu là vào thời kỳ Asuka và Nara với việc Nhà nước cho xây dựng Shitennou-ji (Tứ Thiên Vương Tự) và Asuka-dera (飛鳥寺 *Phi Điều Tự*)... với kỹ thuật Beakje (bán đảo Triều Tiên). Tuy nhiên, do quan niệm thờ *kami* có từ trước đó mà việc xây chùa giai đoạn này còn hạn chế. Các ngôi chùa được thiết kế theo kiểu mẫu gồm cổng chính quay về phía Nam, bên trong là khu vực chính được bao quanh bởi các dãy hành lang có mái che gọi là *kairou* (回廊 *hồi lang*), từ cổng chính dẫn vào khu vực bên trong thông với nhau qua cổng phụ ở giữa gọi là *chuumon* (中門 *trung môn*). Do ảnh hưởng thuật phong thủy của Trung Quốc mà những ngôi chùa thời kỳ này còn được xây dựng tại những nơi có thể đất hài hòa, thể hiện thông qua sự kết hợp của những yếu tố tự nhiên xung quanh như cây cối, núi đồi, ao hồ... Không chỉ vậy, các ngôi chùa còn phản ánh tinh thần mong muốn hòa hợp với tự nhiên của người Nhật, thông qua việc sử dụng các vật liệu và phối cảnh với không gian

chung quanh. Càng về cuối thời kỳ này, Phật giáo càng phát triển mạnh mẽ và đa dạng do nhận được sự ủng hộ của giai cấp cầm quyền mà mở đầu bằng việc chiến thắng trên nghị trường của dòng họ Soga (蘇我 Tô ngã), hay tinh thần hướng Phật của Thái tử Shotoku (聖徳太子 Thánh Đức Thái Tử). Chính vì vậy, Nhật Bản rất tích cực đón nhận các ảnh hưởng Phật giáo từ ngoài vào, tạo nên sáu tông phái nổi tiếng, gọi chung là Nam Đô lục tông (南都六宗) với sự tiếp nhận gần như nguyên vẹn chứ chưa có cải biến nào đáng kể.

Thời kỳ tiếp sau, cùng với sự xuất hiện của Thiên Thai tông (天台宗) và Chân Ngôn tông (真言宗), đánh dấu sự phát triển của Phật giáo Nhật Bản thì các yếu tố ngoại lai trong việc xây dựng chùa cũng bị tiết giảm, tạo nên phong cách riêng gọi là *wayou* (和様 hòa dạng) vào thời kỳ Heian. Sở dĩ có điều đó là do hai tông phái này ra đời trong bối cảnh các tông phái Phật giáo trước đó đang có sự sa sút vì nhận được hậu thuẫn lớn từ các thế lực quân chủ. Vậy nên “với mục đích chấn chỉnh kỷ cương, thống nhất dân tâm, đổi mới phong khí dân tộc”¹ mà năm 794, Thiên hoàng Hoàn Vũ (桓武天皇) cho dời đô về Heian, và chỉ dời theo một số chùa cùng tu viện. Điểm nổi bật của hai tông phái này là sự tiếp thu các nội dung Phật giáo từ Trung Quốc đại lục nhưng được các đại sư Nhật Bản, như Saichou (最澄 Tôi Trùng) và Kuukai (空海 Không Hải) biến đổi để tạo ra các hình thức mới, đơn giản, dễ hiểu, mang tính thực dụng phù hợp với đa số người Nhật lúc bấy giờ. Do ít nhiều chịu ảnh hưởng của quan niệm hiện thế của Thần đạo mà Phật giáo Nhật Bản chủ trương hướng đến thực chất, tránh các giáo lý, lễ nghi siêu hình, phức tạp. Do vậy dẫn đến đặc điểm kiến trúc theo phong cách *wayou* cũng nhấn mạnh sự đơn giản, phần lớn sử dụng gỗ trong thiết kế, tránh sự trang trí cầu kỳ, không ảnh hưởng theo motif đối xứng từ nghệ thuật Trung Quốc. Ngoài ra, kiến trúc chùa theo lối *wayou* có sự phân chia không gian cho những người mới và người cũ khi gia nhập. Đây là điểm khác biệt so với các ngôi chùa được xây dựng trước đó. Thêm nữa, do chủ trương phương pháp hành trì tu tập tránh xa danh lợi, tham vọng vật chất mà các tông phái này thường xây dựng những ngôi chùa chính ở tại những ngọn núi trong rừng sâu như Enryaku-ji (延暦寺 Đình Lịch Tự) ở Hieizan (比叡山 Tỷ Duệ Sơn) và Nittai-ji (日泰寺 Nhật Thái Tự) ở Kakuo-zan (覺王山 Giác Vương Sơn), hay ở Takanoyama (高野山 Cao Dã Sơn), vì vậy việc

tôn sùng và thờ các ngọn núi linh thiêng cũng là điều thường thấy trong các tông phái Phật giáo này.

Sang đến thời kỳ Kamakura thì xuất hiện thêm hai phong cách nữa trong thiết kế những ngôi chùa Nhật Bản, đó là *daibutsuyou* (大佛様 Đại Phật Dạng), và *zenshuuyou* (禅宗様 Thiền Tông Dạng). Trong đó, *daibutsuyou* được tạo ra dựa trên kiến trúc Trung Quốc vào thời nhà Tống, với đặc điểm hoành tráng, ấn tượng, được xem như một sự đối lập với phong cách *wayou* trước đó. Còn *zenshuuyou* thì xuất phát từ chính Thiền tông mà thành, nên đã tạo được nét riêng biệt, có chút trầm mặc. Tiêu biểu cho loại hình kiến trúc chùa theo phong cách này là sự kết hợp khu vườn Thiền trong không gian chùa. Trong vườn Thiền sẽ có các yếu tố nước, thực vật, sỏi trắng với ý nghĩa sỏi trắng tượng trưng cho sự thuần khiết của trí tuệ, cây cối (thực vật) tượng trưng cho sự “sáng tâm”² của Đức Phật. Ngoài ra, phong cách *zenshuuyou* còn chú ý tạo các khoảng không bên trong công trình. Đặc điểm thiết kế kiến trúc đó chịu ảnh hưởng bởi sự phát triển của Phật giáo trong thời kỳ này. Đó là sự ra đời của hàng loạt các tông phái như Tịnh Độ tông (浄土宗), Hoa Nghiêm tông (華嚴宗)... nhưng có ảnh hưởng nhiều nhất vẫn phải kể đến Thiền tông (禅宗), được sáng lập và phát triển tại Nhật Bản bởi nhà sư Eisai (榮西 Vinh Tây). Thiền tông không chỉ chú trọng đến việc tu tập Thiền định mà còn phát huy ảnh hưởng đến các loại hình nghệ thuật khác, tiêu biểu có Trà đạo, nhằm giúp con người đạt đến sự cân bằng, thống nhất về mặt tinh thần trong các hoạt động đời sống. Vì vậy, các quan niệm của Thiền tông được người Nhật đón nhận rộng rãi và đã chi phối khá rõ nét trong kiến trúc Phật giáo lúc này. Đến cuối thời Muromachi thì kiến trúc Phật giáo Nhật Bản đạt đỉnh cao với sự phối hợp của ba phong cách kể trên, dẫn đến sự ra đời của *secchuuyou* (折衷様 Chiết Ai Dạng), tiêu biểu cho phong cách mới này có thể kể đến Kakurin-ji (刀田山鶴林寺 Đạo Điền Sơn Hạc Lâm Tự)... Cùng với sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc thì các ngôi chùa ở Nhật Bản lúc này thực sự lớn mạnh về mặt tổ chức, mở rộng vai trò của mình trên các hoạt động giáo dục, kinh tế, văn hóa nghệ thuật...

Tuy nhiên, về sau các ngôi chùa dù được thiết kế khá công phu, tỉ mỉ nhưng hầu như không có sự sáng tạo đáng kể về nghệ thuật, mà chỉ là sự lặp lại và phát triển theo các phong cách vừa nêu. Đến khi chính quyền

thời Minh Trị Duy Tân tuyên bố “Thần Phật phân ly” (神佛分離) thì Phật giáo nói chung và các ngôi chùa nói riêng bị ảnh hưởng nặng nề do việc Nhà nước phá hủy chùa, tượng Phật, buộc các nhà sư hoàn tục nhiều hơn... Sau khi Chiến tranh Thế giới kết thúc, do việc mất lòng tin vào Thần đạo, nên chỗ dựa tinh thần cho người Nhật chính là tính giải thoát của Phật giáo, và do vậy, Phật giáo dần dần lấy lại được vị trí trong đời sống xã hội Nhật Bản. Hiện nay, các hoạt động chủ yếu của Phật giáo Nhật Bản thường chú trọng đến nhân sinh và các vấn đề phát triển xã hội nhằm phù hợp với thế tục, với thời đại mới hơn là đặt trọng tâm phát triển hình thức.

4. Kết luận

Chùa Phật giáo ở Nhật Bản là một biểu hiện cho sự tiếp nhận và phát triển từ những ảnh hưởng Phật giáo ở Trung Quốc lục địa thông qua bán đảo Triều Tiên. Trải qua thời gian dài thì những yếu tố ngoại lai dần bị thay thế bởi các yếu tố bản địa, thể hiện bản sắc Nhật Bản rõ nét. Hình ảnh ngôi chùa, cùng với vai trò và các hoạt động của tu sĩ, đã có những ảnh hưởng đáng kể đối với đời sống xã hội, phản ánh được quan niệm tư tưởng, thẩm mỹ của con người Nhật Bản. Nhìn chung, qua sự thay đổi của kiến trúc ngôi chùa có thể thấy được đặc điểm của Phật giáo ở Nhật Bản nói chung là tính chất thế tục rõ nét, linh hoạt trong việc tiếp nhận các yếu tố mới mẻ, cải biến để ngày càng phù hợp với nhu cầu xã hội./

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Thị Thúy Anh (2011), *Ảnh hưởng của Phật giáo đối với đời sống tinh thần ở xã hội Nhật Bản*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 27.
- 2 Từ “sáng tâm” được tác giả Mel Thomson sử dụng. Xem: Mel Thomson (2004), *Triết học tôn giáo*, Đỗ Minh Hợp dịch, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Thúy Anh (2011), *Ảnh hưởng của Phật giáo đối với đời sống tinh thần ở xã hội Nhật Bản*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Michael D. Coogan (2005), *Eastern Religions*, Ducan Baird Publisher.
3. Phạm Hồng Thái (chủ biên, 2005), *Đời sống tôn giáo Nhật Bản hiện nay*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Mel Thomson (2004), *Triết học tôn giáo*, Đỗ Minh Hợp dịch, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Japan Fact Sheet, *Architecture - A Harmonious Coexistence of Traditional and Innovation* - <http://web-japan.org/>

6. Shiga Miidera, *Onjouji temple*, <http://www.shiga-miidera.or.jp/index.htm>
7. http://www.taleofgenji.org/japanese_temples.html
8. http://en.wikipedia.org/wiki/Japanese_Buddhist_architecture
9. http://en.wikipedia.org/wiki/Buddhist_temples_in_Japan

Abstract

AN OVERVIEW ON A BUDDHIST TEMPLE IN JAPAN

The paper presents the progress of a Buddhist temple in Japan such as name, architectural features and its role through historical periods. Based on these research achievements, the author indicates the common development of Japanese Buddhism and confirmed the secularization and flexibility of Japanese Buddhism. The secular view of Japanese culture has affected and dominated to many aspects of life included spiritual culture in general and Buddhism in particular.

Keywords: Architecture, Buddhist temple, Japan, religion.